

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách huyện quý I năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tiêu Cần về phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tiêu Cần về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tiêu Cần về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021;

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý I năm 2021, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

*** Tổng thu NSNN quý I năm 2021: 215.422 triệu đồng, đạt 41,78%, tăng 10,82% so cùng kỳ năm trước, trong đó:**

1/. Thu nội địa 20.207 triệu đồng đạt 43,46% so với dự toán năm 2021, tăng 72,85% so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện 105 triệu đồng, đạt 41,95% so với dự toán năm 2021, giảm 11,11% so cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện 5.141 triệu đồng, đạt 38,08% so với dự toán năm 2021, tăng 30,92% so cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 3.527 triệu đồng, đạt 35,27% so với dự toán năm 2021 tăng 54,75% so cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ: thực hiện 2.885 triệu đồng, đạt 27,48% so với dự toán năm 2021, tăng 7,78% so cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện 1.204 triệu đồng, đạt 51,25% so với dự toán năm 2021 tăng 33,22% so cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 4.129 triệu đồng, đạt 82,58% so với dự toán năm 2021, tăng 82,58% so cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: thực hiện 3.215 triệu đồng, đạt 71,45% so với dự toán năm 2021 tăng 600,51% so cùng kỳ năm trước;

2/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: thực hiện 89.615 triệu đồng, tăng 48,19% so cùng kỳ năm trước.

3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 105.600 triệu đồng, đạt 22,62% so dự toán năm 2021, giảm 13,45% so cùng kỳ năm trước.

* **Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp** thực hiện 212.097 triệu đồng, đạt 41,29% so với dự toán năm 2021, tăng 9,11% so cùng kỳ năm trước.

II. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách huyện quý I năm 2021: 97.449 triệu đồng, đạt 18,97% so với dự toán năm 2021, tăng 9,30% so cùng kỳ năm trước trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 22.813 triệu đồng, đạt 23,64% so với dự toán năm 2021, tăng 83,37 % so cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên: thực hiện 74.636 triệu đồng, đạt 20,55% so với dự toán năm 2021, giảm 2,08% so cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 37.831 triệu đồng, đạt 19,43% so với dự toán năm 2021, tăng 0,31% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện 531 triệu đồng, đạt 10,74% so với dự toán năm 2021, giảm 35,76% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện 2.418 triệu đồng, đạt 9,09% so với dự toán năm 2021, tăng 15,87% so cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: thực hiện 23.246 triệu đồng, đạt 26,32% so với dự toán năm 2021, giảm 3,35% so cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 6.473 triệu đồng, đạt 41,26% so với dự toán năm 2021, tăng 9,12% so cùng kỳ năm trước;

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung, trong quý I năm 2021 phòng Tài chính – Kế hoạch đã chủ động trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, chi an sinh xã hội và các khoản chi khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý I năm 2021 (chi tiết theo Biểu số 94,95,96/CK-NSNN kèm theo)./.¹⁰⁰.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT



Trần Thị Đẹp

UBND HUYỆN TIÊU CÀN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

Biểu số 93/CK-NSNN



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 38 /BC-PTCKH ngày 15 /4/2021 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	520.906	231.629	44,47	157,65
I	Thu cân đối NSNN	46.500	20.207	43,46	125,75
1	Thu nội địa	46.500	20.207	43,46	132,71
2	Thu viện trợ		0		0,00
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		89.615		194,65
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	121.807	26,09	143,64
IV	Thu kết dư ngân sách	7.500			
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	513.638	97.449	18,97	103,47
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	469.138	97.449	20,77	122,99
1	Chi đầu tư phát triển	96.500	22.813	23,64	487,15
2	Chi thường xuyên	363.138	74.636	20,55	105,54
3	Dự phòng ngân sách	9.500	0	0,00	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	44.500	0	0,00	0,00
III	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 38/BC-PTCKH ngày 15/4/2021 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1		3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	515.638	215.422	41,78	110,82
I	Thu nội địa	46.500	20.207	43,46	172,85
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	250	105	41,95	88,89
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.500	5.141	38,08	130,92
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	3.527	35,27	154,75
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	10.500	2.885	27,48	107,78
7	Thu phí, lệ phí	2.350	1.204	51,25	133,22
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.400	4.129	76,47	311,33
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	0	0,05	54,30
-	Thu tiền sử dụng đất	5.000	4.129	82,58	311,40
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	4.500	3.215	71,45	700,51
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác				-
II	Thu viện trợ				-
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		89.615		148,19
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	105.600	22,62	86,55
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
VI	Thu kết dư ngân sách	2.232			
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	513.638	212.097	41,29	109,11
1	Từ các khoản thu phân chia	16.100	7.984	49,59	182,37
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	28.400	8.898	31,33	121,68
3	Thu viện trợ		-		-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		89.615		148,19
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	466.906	105.600	22,62	86,55
6	Thu kết dư ngân sách	2.232			

* Ghi chú: Số thu đã loại trừ thu bổ sung cho ngân sách cấp xã 16206,575 triệu đồng

**UBND HUYỆN TIÊU CÀN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 38/BC-PTCKH ngày 15/4/2021 của phòng Tài chính -KH)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	513.638	97.449	18,97	109,30
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	469.138	97.449	20,77	109,91
I	Chi đầu tư phát triển	96.500	22.813	23,64	183,37
1	Chi đầu tư phát triển	96.500	22.813	23,64	183,37
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	363.138	74.636	20,55	97,92
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.698	37.831	19,43	100,31
2	Chi khoa học và công nghệ	1.045		0,00	
3	Chi văn hóa thông tin	4.946	531	10,74	64,24
4	Chi phát thanh, truyền hình				
5	Chi thể dục thể thao				
6	Chi bảo vệ môi trường	1.724	24	1,40	
7	Chi hoạt động kinh tế	26.601	2.418	9,09	115,87
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	88.312	23.246	26,32	96,65
9	Chi bảo đảm xã hội	15.689	6.473	41,26	109,12
III	Dự phòng ngân sách	9.500		0,00	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	44.500	0	1,12	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				-
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	44.500		0,00	-
C	CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2020 SANG NĂM 2021				

* Ghi chú: Số chi đã loại trừ chi bổ sung cho ngân sách cấp xã 16.206 triệu đồng